

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

---

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2016



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

10/2  
C  
LÀCH  
M  
V  
G

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 14/04/2015)
Ông Phạm Việt Dũng	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 14/04/2015)
Ông Lê Văn Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 14/04/2015)
Ông Hoàng Chí Thanh	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 14/04/2015)

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**



**Nguyễn Văn Hùng**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2016



Số: 63 -16/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2016

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/02/2016, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2015	01/01/2015
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>105.797.717.162</b>	<b>90.922.202.791</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1.</b>	<b>103.232.585.727</b>	<b>86.318.258.976</b>
1 Tiền	111		6.682.585.727	6.283.258.976
2 Các khoản tương đương tiền	112		96.550.000.000	80.035.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>495.957.231</b>	<b>623.077.572</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3.	29.534.067	41.967.085
2 Trả trước cho người bán	132	VI.4.	76.750.000	156.070.487
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.5.	389.673.164	425.040.000
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.445.113.534</b>	<b>1.633.058.618</b>
1 Hàng tồn kho	141	VI.6.	1.445.113.534	1.633.058.618
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>624.060.670</b>	<b>2.347.807.625</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8.	87.395.832	937.403.032
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		363.009.491	770.143.110
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.12.	173.655.347	640.261.483
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>52.652.514.761</b>	<b>46.174.954.039</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.927.323.624</b>	<b>23.669.572.302</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9.	23.927.323.624	23.669.572.302
- Nguyên giá	222		46.833.490.911	43.569.436.366
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.906.167.287)	(19.899.864.064)
3 Tài sản cố định vô hình	227	VI.7.	-	-
- Nguyên giá	228		144.648.000	144.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(144.648.000)	(144.648.000)
<b>IV Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.500.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.2.	7.500.000.000	7.500.000.000
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.225.191.137</b>	<b>15.005.381.737</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.8.	21.225.191.137	15.005.381.737
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>158.450.231.923</b>	<b>137.097.156.830</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>50.216.321.864</b>	<b>43.330.434.206</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>50.216.321.864</b>	<b>43.330.434.206</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.10.	4.382.066.919	2.855.800.200
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.11.	734.410.525	804.827.180
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.12.	3.148.376.032	2.019.731.978
4 Phải trả người lao động	314		1.420.165.245	3.027.995.059
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.13.	104.545.455	139.760.900
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14.	39.065.849.205	34.481.499.940
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.360.908.483	818.949
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>108.233.910.059</b>	<b>93.766.722.624</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	VI.15.	<b>108.233.910.059</b>	<b>93.766.722.624</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		31.230.000.000	31.230.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.230.000.000	31.230.000.000
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		49.098.479.690	40.555.103.065
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.905.430.369	21.981.619.559
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	421a		-	21.981.619.559
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		27.905.430.369	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>158.450.231.923</b>	<b>137.097.156.830</b>

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Thị Kim Ngọc



Mai Thị Phương Liên



Nguyễn Văn Hùng



Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND  
Năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1.	529.711.547.723	484.828.961.666
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		529.711.547.723	484.828.961.666
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2.	443.008.414.159	400.261.530.092
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		86.703.133.564	84.567.431.574
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3.	4.589.429.357	4.796.459.127
8 Chi phí bán hàng	25	VII.6.	49.233.757.067	51.247.638.985
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6.	6.688.359.021	5.991.944.276
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		35.370.446.833	32.124.307.440
11 Thu nhập khác	31	VII.4.	371.263.972	75.176.284
12 Chi phí khác	32	VII.5.	7.944.415	1.006.267.174
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		363.319.557	(931.090.890)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		35.733.766.390	31.193.216.550
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8.	7.828.336.021	8.811.596.991
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		27.905.430.369	22.381.619.559
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25.	8.935	7.167

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Thị Kim Ngọc

Mai Thị Phương Liên

Nguyễn Văn Hùng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.733.766.390	31.193.216.550
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		3.006.303.223	3.346.571.891
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.589.429.357)	(4.796.459.127)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		34.150.640.256	29.743.329.314
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.000.860.096	(734.972.511)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		187.945.084	(9.833.824)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		864.154.176	7.499.894.683
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.369.802.200)	4.250.853.199
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.728.328.367)	(8.795.194.701)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		371.263.972	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.944.415)	(1.520.871.802)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>24.468.788.602</b>	<b>30.433.204.358</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.264.054.545)	(1.888.553.090)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.589.429.357	4.796.459.127
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.325.374.812</b>	<b>2.907.906.037</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.878.533.383)	(5.998.682.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8.878.533.383)</b>	<b>(5.998.682.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>16.915.630.031</b>	<b>27.342.428.395</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		86.318.258.976	58.975.830.581
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>VI.1.</b>	<b>103.233.889.007</b>	<b>86.318.258.976</b>

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Vũ Thị Kim Ngọc

Mai Thị Phương Liên

Nguyễn Văn Hùng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014976, đăng ký lần đầu ngày 08/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Công ty đã có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102111943 đăng ký thay đổi lần 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2015 (Cấp lại mã số DN từ Đăng ký kinh doanh số 0103014976 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2006) thì vốn điều lệ của Công ty là: **31.230.000.000 VND** (Ba mươi một tỷ, hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HAT.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh và cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kho tàng, bến bãi; Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Mua bán hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Kinh doanh phế liệu, phế phẩm sau quá trình sản xuất bia; Kinh doanh phụ phẩm trong sản xuất bia, bao gồm bã bia;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia- rượu- nước giải khát;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa phân vào đâu;
- Sản xuất rượu vang; Bán buôn thực phẩm; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân loại vào đâu, chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Trụ sở Công ty tại: Số 183 Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

### **5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 công ty liên kết: Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội Hưng Yên 89

- Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 25%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 25%

### **6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

## **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

#### **Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

#### ***Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp***

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư*

Tại thời điểm 31/12/2015, khoản đầu tư vào công ty liên kết của công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá do kết quả kinh doanh của công ty liên kết có lãi.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty không có công nợ phải thu quá hạn thanh toán cần trích lập dự phòng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2015, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

**5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	5
- Phương tiện vận tải	6
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

**5.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

**Loại tài sản cố định**

**Thời gian khấu hao <năm>**

- Phần mềm quản lý

3

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí mua keg bia và các khoản chi phí trả trước khác. Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.

**7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các chi phí thuê văn phòng, kho bãi,... là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.HAT ngày 14/04/2015. Theo đó, mức chia cổ tức là 30% vốn điều lệ, trích quỹ đầu tư phát triển bằng 38,17%, quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 15% và quỹ thưởng ban điều hành, quỹ an sinh, thù lao HĐQT, BKS... bằng 2,74% lợi nhuận sau thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa (bia hơi, bia chai...), cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và thu nhập khác.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ tiền nhà cung cấp hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và tiền khách hàng nộp phạt do chậm trả cước vỏ thùng bia..., được ghi nhận trên cơ sở biên bản làm việc và số tiền thực tế nhận được.

**11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các sản phẩm bia lon, bia chai...và dịch vụ cho thuê kho bãi.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>6.682.585.727</b>	<b>6.283.258.976</b>
Tiền mặt	6.251.468	8.946.113
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.676.334.259	6.274.312.863
Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam - CN Bắc Hà Nội	5.290.935.346	4.972.175.239
Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam - CN Hoàng Mai	211.043.615	9.375.710
Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Ba Đình	47.794.707	7.944.501
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	1.121.311.134	1.281.459.495
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	5.249.457	3.357.918
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>96.550.000.000</b>	<b>80.035.000.000</b>
Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam - CN Bắc Hà Nội	28.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam - CN Hoàng Mai	5.200.000.000	12.140.000.000
Ngân hàng Quốc tế - CN Ba Đình	39.000.000.000	34.795.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	19.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	5.350.000.000	5.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>103.232.585.727</b>	<b>86.318.258.976</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000
<i>Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội</i>	7.500.000.000	7.500.000.000		7.500.000.000
<i>Hàng Yên 89</i>				
<b>Cộng</b>	<b>7.500.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>7.500.000.000</b>

**(\* Ghi chú:**

- Tóm tắt tình hình hoạt động của liên kết trong kỳ: Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên kết lãi. Tại thời điểm 31/12/2015, tổng số vốn đầu tư thực tế của chủ sở hữu trên báo cáo tài chính của công ty liên kết thấp hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có nên không cần trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty liên kết trong kỳ: Trong kỳ, giá trị hàng công ty mua của Công ty liên kết là 10.308.856.360 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	29.534.067	-	41.967.085	-
- Công ty TNHH Tân Linh Chi	8.689.067	-	8.689.067	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO	-	-	12.162.059	-
- Lê Quang Đạo	5.925.000	-	5.925.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	14.920.000	-	15.190.959	-
<b>Cộng</b>	<b>29.534.067</b>	<b>-</b>	<b>41.967.085</b>	<b>-</b>

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công ty TNHH Kiểm Toán và Định Giá Việt nam	30.000.000	-
- Công ty CP Truyền Thông DC (DC MEDIA)	38.500.000	-
- Tổng Công ty CP Bia rượu NGK Hà Nội	-	105.415.762
- Các đối tượng khác	8.250.000	50.654.725
<b>Cộng</b>	<b>76.750.000</b>	<b>156.070.487</b>

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan  
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**5. Phải thu khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Ký cược, ký quỹ	349.140.000	-	425.040.000	-
- Phải thu BHXH	10.942	-	-	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	40.522.222	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>389.673.164</b>	<b>-</b>	<b>425.040.000</b>	<b>-</b>



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	1.310.620.114	-	1.293.070.042	-
Hàng hóa	134.493.420	-	339.988.576	-
<b>Cộng</b>	<b>1.445.113.534</b>	<b>-</b>	<b>1.633.058.618</b>	<b>-</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2015	144.648.000	<b>144.648.000</b>
Số dư ngày 31/12/2015	144.648.000	<b>144.648.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2015	144.648.000	<b>144.648.000</b>
Số dư ngày 31/12/2015	144.648.000	<b>144.648.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 144.846.000 VND

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>87.395.832</b>	<b>937.403.032</b>
- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	87.395.832	937.403.032
<b>b) Dài hạn</b>	<b>21.225.191.137</b>	<b>15.005.381.737</b>
- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	14.464.916.000	7.605.357.533
- Tiền thuê đất (*)	6.330.289.644	6.488.546.885
- Chi phí trả trước dài hạn khác	429.985.493	911.477.319
<b>Cộng</b>	<b>21.312.586.969</b>	<b>15.942.784.769</b>

(\*): Tiền thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 28/HDTD ngày 31/7/2008 và Phụ lục số 01/PLHD-HT ngày 18/01/2010, thời gian thuê là 46 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư ngày 01/01/2015	23.242.470.862	6.958.920.069	13.220.232.435	147.813.000	-	43.569.436.366
Mua trong năm	-	-	3.153.600.000	50.454.545	60.000.000	3.264.054.545
Số dư ngày 31/12/2015	23.242.470.862	6.958.920.069	16.373.832.435	198.267.545	60.000.000	46.833.490.911
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư ngày 01/01/2015	4.867.721.045	6.660.177.973	8.236.277.052	135.687.994	-	19.899.864.064
Khấu hao trong năm	997.588.440	106.220.568	1.874.254.311	24.364.904	3.875.000	3.006.303.223
Số dư ngày 31/12/2015	5.865.309.485	6.766.398.541	10.110.531.363	160.052.898	3.875.000	22.906.167.287
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2015	18.374.749.817	298.742.096	4.983.955.383	12.125.006	-	23.669.572.302
Tại ngày 31/12/2015	17.377.161.377	192.521.528	6.263.301.072	38.214.647	56.125.000	23.927.323.624

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.519.920.412 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đem đi cầm cố, ký cược: 0 VND



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**10. Phải trả người bán**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty CP Quốc tế Sen Việt	1.537.934.816	1.537.934.816	140.041.000	140.041.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Đại Việt	852.559.303	852.559.303	311.300.000	311.300.000
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	-	310.200.000	310.200.000
- Công ty TNHH Thương mại & Vận tải Thái Tân	-	-	2.094.259.200	2.094.259.200
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Phân phối Phú Thái	499.125.000	499.125.000	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phạm Minh	630.965.000	630.965.000	-	-
- Tổng Công ty CP Bia rượu NGK Hà Nội	572.244.000	572.244.000	-	-
Các đối tượng khác	289.238.800	289.238.800	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.382.066.919</b>	<b>4.382.066.919</b>	<b>2.855.800.200</b>	<b>2.855.800.200</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**11. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Minh Thành	219.825.821	499.387.065
- Công ty TNHH MTV Hùng Vinh	97.629.219	102.377.651
- Trung tâm Thể thao Ba Đình	236.301.770	90.868.949
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đăng Huệ	87.908.721	27.508
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoàng Giang	74.981.225	97.778.690
- Các đối tượng khác	17.763.769	14.387.317
<b>Cộng</b>	<b>734.410.525</b>	<b>804.827.180</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2015
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT đầu ra	-	3.852.798.299	3.824.161.899	28.636.400
- Thuế TNDN	2.019.731.978	7.828.336.021	6.728.328.367	3.119.739.632
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.019.731.978</b>	<b>11.684.134.320</b>	<b>10.555.490.266</b>	<b>3.148.376.032</b>

Trong đó thuế GTGT đầu ra phải nộp trong năm tăng 28.636.400 đồng và thuế TNDN tăng 64.143.992 theo Báo cáo kiểm toán nhà nước ngày 01/02/2016.

b) Phải thu

- Thuế thu nhập cá nhân	640.261.483	611.170.507	144.564.371	173.655.347
<b>Cộng</b>	<b>640.261.483</b>	<b>611.170.507</b>	<b>144.564.371</b>	<b>173.655.347</b>

**13. Chi phí phải trả**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	104.545.455	139.760.900
- Chi phí kiểm toán trích trước	54.545.455	27.500.000
- Trích trước chi phí bảo vệ	-	17.856.000
- Các chi phí trích trước khác	50.000.000	94.404.900
<b>Cộng</b>	<b>104.545.455</b>	<b>139.760.900</b>

**14. Phải trả khác**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	151.029.676	201.891.556
- Bảo hiểm xã hội	-	3.878.252
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.723.544.487	31.666.250.387
+ Vũ Hữu Đình	1.260.000.000	412.500.000
+ Bảo tàng Hồ Chí Minh	1.250.000.000	1.320.000.000
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Minh Thành	1.025.000.000	775.000.000
+ Công ty CP D&Q	300.000.000	1.400.000.000
+ Hoàng Quốc Cường	825.000.000	700.000.000
+ Nguyễn Thị Nga	420.000.000	310.000.000
+ Nguyễn Văn Tĩnh	525.000.000	575.000.000
+ Khách hàng mua lẻ	1.264.049.907	1.264.049.907



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

+ Nguyễn Thế Tuyên	682.500.000	360.000.000
+ Nguyễn Văn Quang	500.000.000	675.000.000
+ Nguyễn Văn Tùng	607.500.000	307.500.000
+ Công ty TNHH Lê Gia Phú Cát	625.000.000	-
+ Đỗ Văn Thang	975.000.000	-
+ Nguyễn Hồng Hà	2.582.500.000	-
+ Các đối tượng khác	22.881.994.580	23.567.200.480
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.450.596.410	2.012.883.743
- Các khoản phải trả khác	740.678.632	596.596.002
<b>Cộng</b>	<b>39.065.849.205</b>	<b>34.481.499.940</b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

**15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư ngày 01/01/2014	31.230.000.000	13.831.657.814	45.061.657.814
Lãi trong năm trước	-	22.381.619.559	22.381.619.559
Phân phối lợi nhuận năm 2013	-	(14.231.657.814)	(14.231.657.814)
Số dư ngày 01/01/2015	31.230.000.000	21.981.619.559	53.211.619.559
Lãi trong năm nay	-	27.905.430.369	27.905.430.369
Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	(21.981.619.559)	(21.981.619.559)
Số dư ngày 31/12/2015	31.230.000.000	27.905.430.369	59.135.430.369

**15.2 Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	18.738.000.000	18.738.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.492.000.000	12.492.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.230.000.000</b>	<b>31.230.000.000</b>

**15.3 Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	31.230.000.000	31.230.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	31.230.000.000	31.230.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.369.000.000	6.246.000.000

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**15.4 Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.123.000	3.123.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.123.000	3.123.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.123.000	3.123.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại và vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại và vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.123.000	3.123.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.123.000	3.123.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại và vốn chủ sở hữu)	-	-

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu**

**15.5 Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: Không

**15.6 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	40.555.103.065	8.543.376.625	-	49.098.479.690
<b>Cộng</b>	<b>40.555.103.065</b>	<b>8.543.376.625</b>	<b>-</b>	<b>49.098.479.690</b>

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 38,17 % từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia theo vốn tự huy động và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	459.027.922.049	419.235.234.949
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.683.625.674	65.593.726.717
<b>Cộng</b>	<b>529.711.547.723</b>	<b>484.828.961.666</b>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	442.095.687.715	399.348.803.648
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	912.726.444	912.726.444
<b>Cộng</b>	<b>443.008.414.159</b>	<b>400.261.530.092</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.614.429.357	3.896.459.127
Cổ tức và lợi nhuận được chia	975.000.000	900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.589.429.357</b>	<b>4.796.459.127</b>

**4. Thu nhập khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu từ tiền phạt, bồi thường (*)	341.748.129	-
Thu từ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm	28.212.563	-
Thu nhập khác	1.303.280	75.176.284
<b>Cộng</b>	<b>371.263.972</b>	<b>75.176.284</b>

(\*): Trong đó có 291.563.600 đồng điều chỉnh tăng thu nhập khác từ thu tiền phạt, bồi thường của khách hàng theo báo cáo kiểm toán nhà nước ngày 01/02/2016.

**5. Chi phí khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản phạt	7.944.415	1.006.267.174
<b>Cộng</b>	<b>7.944.415</b>	<b>1.006.267.174</b>

**6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>6.688.359.021</b>	<b>5.991.944.276</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.280.960.000	1.214.400.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	113.691.818	141.681.842
Chi phí khấu hao TSCĐ	766.222.254	519.882.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.704.266.774	2.862.459.482
Chi phí bằng tiền khác	2.823.218.175	1.253.520.777

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>49.233.757.067</b>	<b>51.247.638.985</b>
Chi phí nhân viên	10.702.410.326	11.020.097.210
Chi phí vật liệu, bao bì	2.202.654.178	2.877.237.849
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.945.869.313	11.149.897.461
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.327.354.525	1.913.963.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.815.468.725	22.848.443.193
Chi phí bằng tiền khác	240.000.000	1.438.000.000
<b>Cộng</b>	<b>55.922.116.088</b>	<b>57.239.583.261</b>
<b>7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.202.654.178	2.915.501.758
Chi phí nhân công	11.983.370.326	12.234.497.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.006.303.223	3.346.571.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.519.735.499	25.710.902.675
Chi phí khác bằng tiền	15.122.779.306	13.944.836.171
<b>Cộng</b>	<b>56.834.842.532</b>	<b>58.152.309.705</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	534.672.241.052	489.700.597.077
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	498.113.895.502	458.507.380.527
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	36.558.345.550	31.193.216.550
Các khoản điều chỉnh giảm	(975.000.000)	(900.000.000)
<i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	<i>(975.000.000)</i>	<i>(900.000.000)</i>
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	35.583.345.550	40.052.713.595
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.828.336.021	8.811.596.991
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.905.430.369	22.381.619.559
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.905.430.369	22.381.619.559
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.123.000	3.123.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.935	7.167



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội Hưng Yên 89	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	Cùng tập đoàn

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Bán hàng</b>	<b>4.464.433.787</b>	<b>4.484.212.860</b>
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	1.048.311.120	1.096.087.794
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	3.416.122.667	3.388.125.066
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội Hưng Yên 89	-	4.015.928.425
<b>Mua hàng</b>	<b>436.835.527.060</b>	<b>403.507.781.791</b>
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	427.016.931.960	385.827.265.960
Công ty CP TM Bia Hà Nội Hưng Yên 89	9.371.687.600	14.319.902.800
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	446.907.500	3.360.613.031
<b>Số dư với các bên liên quan</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>01/01/2015 VND</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>-</b>	<b>105.415.762</b>
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	-	105.415.762
Công ty mẹ	-	-
<b>Các khoản phải trả người bán</b>	<b>572.244.000</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	572.244.000	-
Công ty mẹ	-	-
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>Năm 2015 VND</b>	<b>Năm 2014 VND</b>
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
Lương	952.320.000	998.400.000
Cộng	<b>952.320.000</b>	<b>998.400.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.232.585.727	86.318.258.976
Phải thu khách hàng và phải thu khác	419.207.231	467.007.085
<b>Tổng cộng</b>	<b>103.651.792.958</b>	<b>86.785.266.061</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	43.447.916.124	37.337.300.140
Chi phí phải trả	104.545.455	139.760.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.552.461.579</b>	<b>37.477.061.040</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2015 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	43.447.916.124	-	43.447.916.124
Chi phí phải trả	104.545.455	-	104.545.455
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	37.337.300.140	-	37.337.300.140
Chi phí phải trả	139.760.900	-	139.760.900

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.232.585.727	-	103.232.585.727
Phải thu khách hàng và phải thu khác	419.207.231	-	419.207.231
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.318.258.976	-	86.318.258.976
Phải thu khách hàng và phải thu khác	467.007.085	-	467.007.085

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO. Và, như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

	31/12/2014		
	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Phải thu khác	-	425.040.000	425.040.000
Tài sản ngắn hạn khác	425.040.000	-	-

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Ngọc

Kế toán trưởng



Mai Thị Phương Liên



Nguyễn Văn Hùng